

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá; số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP; số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 820/TTr-STC ngày 13/3/2018 và văn bản số 1835/STC-QLGCS ngày 10/5/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, nội dung như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

1.1. Quy định này quy định thực hiện quản lý nhà nước về giá trong các lĩnh vực: Định giá của Nhà nước, kê khai giá, đăng ký giá, thẩm định giá của Nhà nước và cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

1.2. Những nội dung về quản lý giá không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định của Chính phủ: Số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá; số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP

ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP; số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

## **2. Đối tượng áp dụng:**

Cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

## **3. Các quy định cụ thể:**

3.1. Phân công nhiệm vụ thông báo danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá:

- Định kỳ chậm nhất ngày 15 tháng 6 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh thực hiện rà soát, đề xuất danh sách tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh (các sở quản lý ngành đề xuất danh sách tổ chức, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất danh sách cá nhân, hộ gia đình) thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương theo các lĩnh vực gửi Sở Tài chính tổng hợp, ra thông báo.

- Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, giao Sở Tài chính căn cứ kết quả rà soát, đề xuất của các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, thực hiện thông báo danh sách tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương.

3.2. Phân công nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá ở địa phương:

- Sở Tài chính: Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của các tổ chức sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết.

- Sở Y tế: Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của các đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Sở Công Thương: Tiếp nhận rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tiếp nhận, rà soát biểu mẫu của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng đăng ký giá trên địa bàn địa phương theo quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết.

3.3. Trình tự, thời hạn quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực, đơn vị sản xuất, kinh doanh đề xuất danh mục và phương án giá hàng hóa, dịch vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính. Trường hợp thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 9, Nghị định 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

3.4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh ngoài việc thực hiện kê khai giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Khoản 9 Điều 1, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ, phải kê khai giá đối với các loại hàng hóa, dịch vụ sau:

- Giá dịch vụ vận chuyển và lưu trú khách du lịch tham quan vịnh;
- Giá dịch vụ khai thác cảng, bến tàu du lịch;
- Giá vận chuyển khách bằng tàu cao tốc;
- Giá dịch vụ phòng nghỉ khách sạn, nhà nghỉ;
- Giá dịch vụ tour du lịch;
- Giá dịch vụ cáp treo;
- Giá xi măng, thép, cát, gạch, ngói, đá làm vật liệu xây dựng;
- Giá một số hàng hóa khác trong lĩnh vực kinh doanh du lịch đặc thù tại địa phương được phép sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật: Trầm hương (gồm thân gỗ chưa chế tác và các sản phẩm đã được chế tác có nguồn gốc từ trầm hương); Trang sức có gắn, đính đá tự nhiên hoặc đá công nghiệp; Đệm gối làm từ cao su; Ngọc trai; Mặt hàng mỹ nghệ làm bằng gỗ và than đá.

3.5. Phân công nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá theo quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá quy định tại Điều 16 Thông tư số 56/2014/TT-BTC và khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 9 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC như sau:

- Sở Tài chính: Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh đối với các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá ngoài các hàng hóa, dịch vụ kê khai giá với các sở quản lý ngành theo quy trình tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá.

- Sở Y tế: Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các đối tượng thực hiện kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Sở Giao thông vận tải: Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức kinh doanh dịch vụ thuộc lĩnh vực giao thông vận tải tại địa phương, bao gồm hàng hóa, dịch vụ kê khai giá thuộc thẩm quyền trung ương (Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá; Dịch vụ vận chuyển hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá; Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi) và hàng hóa, dịch vụ địa phương quy định; giá vận chuyển khách bằng tàu cao tốc của các tổ chức).

- Sở Công Thương: Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế.

- Sở Xây dựng: Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa xi măng, thép, cát, gạch, ngói, đá làm vật liệu xây dựng.

- Sở Du lịch: Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ phòng nghỉ khách sạn, nhà nghỉ; Giá dịch vụ tour du lịch; Giá dịch vụ cáp treo; Giá một số hàng hóa khác trong lĩnh vực kinh doanh du lịch đặc thù tại địa phương: Trầm hương (gồm thân gỗ chưa chế tác và các sản phẩm đã được chế tác có nguồn gốc từ trầm hương); Trang sức có gắn, đính đá tự nhiên hoặc đá công nghiệp; Đệm gối làm từ cao su; Ngọc trai; Mặt hàng mỹ nghệ làm bằng gỗ và than đá.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá của các cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh các loại hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn địa phương.

Riêng đối với dịch vụ vận chuyển và lưu trú khách du lịch tham quan vịnh Hạ Long, giao Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long tiếp nhận hồ sơ kê khai giá.

- Các đơn vị được phân công nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá thực hiện công bố công khai trên phương tiện thông tin đại chúng phục vụ mục tiêu bình ổn giá; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết.

3.6. Về thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua, bán từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước) tại địa phương:

3.6.1. Các trường hợp mua, bán tài sản nhà nước có mức giá từ 100 triệu đồng/ lần mua, bán trở lên (căn cứ vào Quyết định giao nguồn kinh phí mua sắm của cấp có thẩm quyền hoặc theo dự toán phân khai), sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá, phải có ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3.6.2. Cơ quan thực hiện thẩm định giá tài sản nhà nước tại địa phương.

- Sở Tài chính Thông báo thẩm định giá các tài sản của Nhà nước quy định tại Điểm 3.6.1 nêu trên mua, bán từ nguồn ngân sách cấp tỉnh hoặc tài sản thuộc thẩm quyền quyết định mua sắm của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc cơ quan tài chính cấp huyện trường hợp được ủy quyền) thẩm định giá các tài sản của Nhà nước quy định tại Điểm 3.6.1 mua, bán từ nguồn ngân sách huyện.

- Thời gian Cơ quan thẩm định giá thẩm định và ra thông báo thẩm định giá tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ quan, đơn vị (hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP). Trường hợp đối với những tài sản có đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành đặc biệt, không có bán rộng rãi trên thị trường thì thời gian thẩm định giá được kéo dài thêm, song tối đa không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

3.7. Về theo dõi, cập nhật thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá.

- Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương.

- Các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm: Định kỳ ngày 25 tháng cuối quý tổng hợp kết quả trúng thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc cấp Sở, ngành, cấp huyện thực hiện; Tổng hợp mức giá hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã đăng ký giá, kê khai giá với cơ quan nhà nước gửi Sở Tài chính tổng hợp chung toàn tỉnh để phục vụ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

**Điều 2.** Sở Tài chính, Chi cục Quản lý thị trường tỉnh, cơ quan Thanh tra chuyên ngành, các Sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị, lực lượng chức năng có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định của pháp luật về giá, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 334/2015/QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh “Về việc ban hành Quy định quản lý Nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”. Các nội dung khác liên quan quản lý nhà nước về giá thực hiện theo quy định tại Luật giá, các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn Luật giá, các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

**Điều 4.** Các ông, bà: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định thi hành./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HDND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên NCTH;
- Lưu: VT, TM3.

50 bản, QĐ164

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*  
**Nguyễn Đức Long**